

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số : 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày : 05-7-2019

“*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tân.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung;

Ông Bùi Đức Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Nhữ Thật – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tây Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị S, sinh năm 1977 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Ông Lâm Văn S, sinh năm 1974 (Vắng mặt – có yêu cầu);

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 10/5/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Trần Thị S trình bày:**

Về hôn nhân: Bà và ông Lâm Văn S chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống, hạnh phúc được một thời gian đầu rồi sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hợp, thường hay xảy ra tranh cãi, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau. Bà với ông S cắt đứt quan hệ nhau từ năm 2013 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn ông Lâm Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Thị S (giới tính: Nữ), sinh ngày 10/7/1995 và Lâm Thị T (giới tính: Nữ), sinh ngày 10/8/1997. Các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Diện tích đất ở 388m² tại thửa đất số 1312, tờ bản đồ số 25 ở thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 17422 ngày 03/12/2009). Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở 01 tầng diện tích xây dựng 131m².

Ngoài ra không còn tài sản nào khác.

Vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia xong đối với tài sản chung vào ngày 28/3/2019, cụ thể: Ông S được trọn quyền sở hữu, sử dụng đối với toàn bộ số tài sản nêu trên.

*** Tại lời khai ngày 14/6/2019, bị đơn là ông Lâm Văn S trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như lời trình bày của bà Trần Thị S về việc ông và bà S tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ tháng 9 năm 1993 cho đến năm 2013 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian rồi phát sinh mâu thuẫn với nguyên nhân: Tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống; bà S quan hệ ngoại tình. Do đó giữa ông với bà S sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay bà S yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lâm Thị S (giới tính: Nữ), sinh ngày 10/7/1995 và Lâm Thị T (giới tính: Nữ), sinh ngày 10/8/1997. Các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Diện tích đất ở 388m² tại thửa đất số 1312, tờ bản đồ số 25 ở thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định. Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở 01 tầng diện tích xây dựng 131m² (UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 17422 ngày 03/12/2009).

Ngoài ra không còn tài sản nào khác.

Vào ngày 28/3/2019, giữa ông với bà S đã tự thỏa thuận phân chia xong đối với tài sản chung, cụ thể: Ông được trọn quyền sở hữu, sử dụng đối với toàn bộ số tài sản nêu trên.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng và đầy đủ các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Trần Thị S và ông Lâm Văn S không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 16 và Điều 53 Luật Hôn nhân

và gia đình: Không công nhận bà S và ông S là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung: miễn xét. Án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Lâm Văn S vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị S và ông Lâm Văn S tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 1993 và chung sống cho đến năm 2013 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc đăng ký kết hôn: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*.

[2.2] Việc bà Trần Thị S và ông Lâm Văn S đều thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó việc bà S yêu cầu ly hôn nhưng không có chứng cứ để chứng minh là đã đăng ký kết hôn nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình cần xử không công nhận quan hệ giữa bà S và ông S là vợ chồng.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Thị S (giới tính: Nữ), sinh ngày 10/7/1995 và Lâm Thị T (giới tính: Nữ), sinh ngày 10/8/1997. Các con đều đã trưởng thành, bà S và ông S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4] Về tài sản chung: Bà S và ông S đã thỏa thuận phân chia xong đối với tài sản chung vào ngày 28/3/2019 (Trước ngày thụ lý vụ án), nên miễn xét. Tài sản chung hai bên đã phân chia cụ thể: Ông S được trọn quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản là diện tích đất ở 388m² và tài sản gắn liền với đất là nhà ở 01 tầng diện tích xây dựng 131m² tại thửa đất số 1312, tờ bản đồ số 25 ở thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 17422 ngày 03/12/2009).

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Cần buộc bà S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn

đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0009431 ngày 16/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà S đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 16 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị S và ông Lâm Văn S là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Lâm Thị S (giới tính: Nữ), sinh ngày 10/7/1995 và Lâm Thị T (giới tính: Nữ), sinh ngày 10/8/1997. Các con đều đã trưởng thành, bà S và ông S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị S và ông Lâm Văn S đã thỏa thuận phân chia xong đối với tài sản chung vào ngày 28/3/2019 (Trước ngày thụ lý vụ án), nên miễn xét. Tài sản chung hai bên đã thỏa thuận phân chia cụ thể:

- Ông Lâm Văn S được trọn quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản: Diện tích đất ở 388m² và tài sản gắn liền với đất là nhà ở 01 tầng diện tích xây dựng 131m² tại thửa đất số 1312, tờ bản đồ số 25 ở thôn B, xã B, huyện T, Tỉnh Bình Định (UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 17422 ngày 03/12/2009).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị S phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0009431 ngày 16/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà S đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thành Tân